

Số: /UBND-TH

Bình Định, ngày tháng năm 2022

V/v báo cáo kết quả thực hiện cơ
cấu lại nền kinh tế trên địa bàn tỉnh
giai đoạn 2021-2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Văn bản số 7743/BKHĐT-QLKTTW ngày 28/10/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo kết quả thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế; qua rà soát, tổng hợp, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo kết quả thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2022, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 54/NQ-CP GIAI ĐOẠN 2021-2022

Ngay sau khi có Nghị quyết số 31/2021/QH15 của Quốc Hội và Nghị quyết số 54/NQ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh Bình Định đã phổ biến đến các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố về những nội dung được đề cập đến các Nghị quyết trên, tổ chức thực hiện theo quy định.

II. KẾT QUẢ CƠ CẤU LẠI KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2022

1. Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021-2022

1.1. Tăng trưởng kinh tế của địa phương

1.1.1. Tốc độ tăng GRDP

Trong giai đoạn 2021-2022, kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng và đạt được những kết quả tích cực. Tổng sản phẩm địa phương (GRDP) năm 2021 tăng 4,43%, trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,06%; Công nghiệp và xây dựng tăng 7,86%; Dịch vụ tăng 2,67%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,44%. 9 tháng đầu năm 2022 tăng 8,92%, trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,04%, Công nghiệp và xây dựng tăng 8,88%, Dịch vụ tăng 13,43%, Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,94%¹. GRDP bình quân đầu người đến cuối năm 2021 đạt 2.749 USD.

1.1.2. Năng suất lao động

Năng suất lao động của tỉnh theo giá hiện hành đạt mức trên 60 triệu đồng/1 lao động năm 2015 và ước đạt trên 113 triệu đồng/1 lao động năm 2021. Nhìn tổng thể, năng suất lao động từ năm 2015 đến nay, năng suất lao động đã được cải thiện đáng kể, gấp 1,8 lần.

Xét về cơ cấu, lực lượng lao động ở khu vực nông thôn năm 2021 chiếm 58,2%.

¹ Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XX đề ra: Tổng sản phẩm địa phương bình quân hàng năm tăng 7,0-7,5%; trong đó, nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,2-3,6%; công nghiệp và xây dựng tăng 9,5-10,2%; dịch vụ tăng 7,1-7,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 10-10,5%.

Nhìn chung, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có năng suất lao động thấp hơn so khu vực công nghiệp – xây dựng và khu vực dịch vụ. Đây là yếu tố dẫn đến năng suất lao động chung của tỉnh còn thấp.

Xét về xu hướng thì lao động đang chuyển dịch dần sang khu vực thành thị, đồng thời cơ cấu giá trị tăng thêm thuộc khu vực công nghiệp – xây dựng, dịch vụ có xu hướng tăng, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm. Trong 2 năm 2020 và 2021, cơ cấu khu vực dịch vụ đều giảm so với năm trước, dịch Covid -19 ít ảnh hưởng đến khu vực 1; một số ngành của khu vực 2 và hầu hết các ngành của khu vực 3 bị ảnh hưởng trực tiếp do dịch nên tăng trưởng của khu vực dịch vụ năm 2020, 2021 rất thấp (năm 2020 tăng 0,37%, năm 2021 tăng 1,48% so cùng kỳ).

Xét về tốc độ tăng năng suất lao động: Năng suất lao động của tỉnh đang tăng dần từ năm 2010 đến nay. Tốc độ tăng năng suất lao động theo giá so sánh ở mức bình quân 5,69%/năm giai đoạn 2011-2015, giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 6,8%/năm, giai đoạn 2011-2020 tăng bình quân 6,24%/năm, giai đoạn 2011-2021 tăng bình quân 6,08%/năm.

1.2. Cơ cấu nền kinh tế

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng: Năm 2021, nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 29,35%; công nghiệp và xây dựng chiếm 29,65%; dịch vụ chiếm 36,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,5%. 9 tháng đầu năm 2022, nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 27,65%; công nghiệp và xây dựng chiếm 29,37%; dịch vụ chiếm 38,44%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,54%².

1.3. Về cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập

1.3.1. Về chuyển ĐVSNCL thành CTCP đến thời điểm 31/10/2022

Ngày 17/9/2022, Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số 820/TTg-ĐMDN đồng ý việc chuyển Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải tỉnh Bình Định thành công ty cổ phần trong giai đoạn đến năm 2025. Đến nay, UBND tỉnh đã giao Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh ban hành Hướng dẫn số 247/HD-ĐMDN ngày 06/10/2022 Về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần trên địa bàn tỉnh Bình Định, đồng thời xây dựng Kế hoạch chuyển đổi Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ GTVT Bình Định thành Công ty cổ phần.

Trong thời gian tới, UBND tỉnh Bình Định sẽ chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện chuyển đổi Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ GTVT Bình Định thành Công ty cổ phần theo quy định.

1.3.2. Kết quả triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP

Tính đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh đã có tổng cộng 690/732 đơn vị được giao quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

1.4. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước

Căn cứ Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực

² Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XX đề ra: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 23,4%; công nghiệp và xây dựng chiếm 31,8%; dịch vụ chiếm 39,6%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,2%.

hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg) và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 5250/BKHĐT-PTDN ngày 10/8/2021, UBND tỉnh Bình Định đã có Văn bản số 5419/UBND-TH ngày 31/8/2021 và Văn bản số 4776/UBND-TH ngày 18/8/2022 báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1.4.1. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Tổng số doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hiện có trong năm 2022 là 05 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp này được sắp xếp theo hình thức tiếp tục duy trì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định: thực hiện sắp xếp theo quy định tại Điểm 8 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg. Theo đó, Công ty tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động công ty, nâng cao lợi nhuận.

- Công ty TNHH Khai thác công trình thuỷ lợi Bình Định: thực hiện sắp xếp theo quy định tại Điểm 11 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg. Theo đó, Công ty phát huy vai trò phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh; tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- 03 Công ty Lâm nghiệp (Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn và Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh): thực hiện sắp xếp theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg, nhằm quản lý, khai thác, sử dụng quỹ đất lâm nghiệp hiệu quả để phát triển, bảo vệ rừng và kinh tế lâm nghiệp và phù hợp với việc cơ cấu lại doanh nghiệp theo Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

1.4.2. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ

Tổng số doanh nghiệp do Nhà nước đang nắm giữ 51% vốn điều lệ trong năm 2022 là 03 doanh nghiệp. Các doanh nghiệp này được sắp xếp theo hình thức tiếp tục duy trì là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ giai đoạn 2021-2025, cụ thể:

- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định: thực hiện sắp xếp theo quy định tại Điểm 1 Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg.

- Công ty cổ phần Môi trường Bình Định: thực hiện sắp xếp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg.

- Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn: thực hiện sắp xếp theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg.

1.4.3. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

Tổng số doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ trong năm 2022 là 02 doanh nghiệp, cụ thể:

- Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định: căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg, Công ty được sắp xếp theo

phương án thực hiện thoái toàn bộ 13,34% vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong giai đoạn 2021-2025 (thời gian hoàn thành dự kiến giai đoạn 2024-2025).

- Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định: căn cứ theo quy định tại Điều b Khoản 1 Điều 7 Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg, Công ty Công ty được sắp xếp theo phương án thực hiện thoái toàn bộ 25% vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong giai đoạn 2021-2025 (thời gian hoàn thành dự kiến giai đoạn 2024-2025).

1.5. Sự gắn kết của địa phương với các địa phương khác trong vùng và kinh tế chung của cả nước

Trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Bình Định được xác định là trung tâm công nghiệp, cảng biển, thương mại, du lịch, dịch vụ và đào tạo nhân lực của khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Trong thời gian qua, căn cứ các quy hoạch, chỉ đạo và hỗ trợ của Trung ương, Bình Định đã phát huy những tiềm năng, lợi thế đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, nỗ lực vươn lên và đóng góp nhất định vào thành tựu chung của vùng và cả nước. Tuy nhiên, do nằm cách xa hai trung tâm kinh tế ở hai đầu đất nước là thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và xuất phát điểm còn thấp nên Bình Định còn gặp nhiều khó khăn về nguồn lực và điều kiện hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông đường bộ kết nối, đường không. Đây là những hạn chế không nhỏ đối với công tác thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, đặc biệt là công nghiệp của tỉnh.

Ý thức được vai trò và vị trí rất quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung được Chính phủ xác định là hạt nhân tăng trưởng và thúc đẩy phát triển cả khu vực miền Trung và Tây Nguyên và vai trò của tỉnh được quy hoạch là trung tâm phía Nam của vùng và cửa ngõ của Tây Nguyên, Bình Định xác định không thể phát triển bền vững nếu thiếu liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong vùng. Trong quá trình phát triển, Bình Định luôn coi trọng liên kết, hợp tác với các địa phương lân cận, trong vùng và với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, Bình Định đã ký kết hợp tác phát triển với các tỉnh Bình Dương, Phú Yên, Gia Lai, Kon Tum, Hà Tĩnh, thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, qua thực hiện bước đầu đã thu được những kết quả nhất định.

Tuy nhiên, vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ nói chung, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói riêng là khu vực còn nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội, vốn chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, lại thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai và thời tiết khắc nghiệt; đồng thời địa bàn trải dài hàng nghìn cây số trong khi hệ thống hạ tầng giao thông còn yếu kém. Chính vì thế, việc liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong vùng và liên kết, hợp tác với các địa phương ngoài vùng không tránh khỏi những khó khăn bất cập. Một số thoả thuận liên kết, hợp tác giữa các địa phương đã ký kết chưa thật thiết thực nên khó thực thi, hiệu quả không cao.

1.6. Đánh giá về mức độ hội nhập của địa phương

1.6.1. Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2021

- Kim ngạch xuất khẩu (KNXK) năm 2021 đạt 1.418,1 triệu USD, tăng 28,4% so với năm 2021. Mặt hàng xuất khẩu: sản phẩm gỗ 500,3 triệu USD, tăng 42,1%; gỗ 227,3 triệu USD, tăng 8,3%; hàng dệt may 193,3 triệu USD, tăng 0,7%; sản phẩm từ chất dẻo 215,3 triệu USD, tăng 69,3%; hàng thuỷ sản 104,7 triệu USD, tăng 54,6%;

gạo 68,2 triệu USD, tăng 47,7%; sản và sản phẩm từ sản 38,9 triệu USD, tăng 19,7%, giày dép 5,5 triệu USD, tăng 10,4%. Trong khi đó, quặng và khoáng sản 47 triệu USD, giảm 13,8%; máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng 5.9 triệu USD, giảm 29,5%...

Thị trường xuất khẩu: hàng hóa Bình Định đã xuất khẩu trực tiếp sang 114 quốc gia và vùng lãnh thổ với KNXK 1.418,1 triệu USD. Trong đó: Châu Á 32 nước 541,9 triệu USD, chiếm 38,5%; Châu Âu 39 nước 327,9 triệu USD, chiếm 23,1%; Châu Mỹ 28 nước 491,5 triệu USD, chiếm 34,7%; Châu Đại Dương 04 nước 6,0 triệu USD và Châu phi 11 nước 2,8 triệu USD.

- Kim ngạch nhập khẩu (KNNK) năm 2021 đạt 474,5 triệu USD, tăng 16% so với cùng kỳ. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc thiết bị và nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu. Trong đó: máy móc thiết bị 96,1 triệu USD, giảm 23,8%; thức ăn gia súc và nguyên liệu 59,6 triệu USD, giảm 7,6%; nguyên phụ liệu dược phẩm 14,4 triệu USD, giảm 1,4%; nguyên phụ liệu dược phẩm 15,9 triệu USD, giảm 2,5%; phân bón 14 triệu USD, giảm 37,5%. Trong khi đó, nguyên phụ liệu dệt may đạt 85,1 triệu USD, tăng 53,7%; gỗ và sản phẩm gỗ 58 triệu USD, tăng 21,1%; hàng thủy sản 64,1 triệu USD, tăng 64,3%; vải các loại 43,4 triệu USD, tăng 157,6%...

Thị trường nhập khẩu: Năm 2021 hàng hóa nhập khẩu trực tiếp từ 64 nước và vùng lãnh thổ với KNNK 474,5 triệu USD, trong đó: Châu Á 19 nước 355,5 triệu USD, chiếm 75%; Châu Âu 24 nước 19,1 triệu USD, chiếm 4%; Châu Mỹ 9 nước 81,7 triệu USD, chiếm 17,2%; Châu Đại Dương 05 nước 9,7 triệu USD, chiếm 2% và Châu phi 07 nước 8,3 triệu USD, chiếm 1,7%.

1.6.2. Kim ngạch xuất nhập khẩu 10 tháng năm 2022

- Kim ngạch xuất khẩu (KNXK) 10 tháng năm 2022 ước đạt 1.332,3 triệu USD, tăng 20,1% so với cùng kỳ (*dự kiến KNXK năm 2022 đạt 1.500 triệu USD*). Mặt hàng xuất khẩu: thủy sản 140 triệu USD, tăng 72,9%; sản và các sản phẩm từ sản 51,4 triệu USD, tăng 139%; gỗ 261,7 triệu USD, tăng 45,7%; sản phẩm gỗ 404,5 triệu USD, tăng 1,4%; hàng dệt may 235,6 triệu USD, tăng 61,9%.... Trong khi đó, gạo 40,7 triệu USD, giảm 28,4%; quặng và khoáng sản khác 34,6 triệu USD, giảm 14,3%; sản phẩm chất dẻo 147,8 triệu USD, giảm 14,2%; giày dép 3,2 triệu USD, giảm 32,2%; máy móc, thiết bị phụ tùng, giảm 60,8%...

Thị trường xuất khẩu: hàng hóa Bình Định đã xuất khẩu trực tiếp sang 115 quốc gia và vùng lãnh thổ với KNXK 1.332,3 triệu USD. Trong đó: Châu Á 31 nước, đạt 467,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 35%; Châu Âu 34 nước, đạt 293,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 22%; Châu Mỹ 27 nước, đạt 514,1 triệu USD, chiếm tỷ trọng 38,6%; Châu Đại Dương 06 nước, đạt 10,1 triệu USD và Châu phi 17 nước, đạt 3,2 triệu USD.

- Kim ngạch nhập khẩu (KNNK) 10 tháng đầu năm 2022, ước đạt 384,1 triệu USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ. 10 tháng đầu năm 2022, một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ như: hàng thủy sản ước đạt 97,4 triệu USD, tăng 89%; thức ăn gia súc và nguyên liệu ước đạt 59,8 triệu USD, tăng 19,6%; nguyên phụ liệu dược phẩm ước đạt 13,3 triệu USD, tăng 14,5%; cao su ước đạt 5,8 triệu USD, tăng 2,6%; vải các loại ước đạt 41,5 triệu USD, tăng 24,4%; nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày ước đạt 69,5 triệu USD, tăng 0,4%; ... Trong khi, gỗ và các sản phẩm từ gỗ ước đạt 46,2 triệu USD, giảm 2,9%; phân bón các loại ước đạt 9,9 triệu USD, giảm 46%; máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng ước đạt 27 triệu USD, giảm 66,4%;...

Thị trường nhập khẩu: 10 tháng đầu năm 2022, hàng hóa nhập khẩu trực tiếp từ 59 nước và vùng lãnh thổ với KNNK ước đạt 384,1 triệu USD, trong đó: Châu Á 17 nước, đạt 267,2 triệu USD, chiếm 69,6%; Châu Âu 22 nước, đạt 13 triệu USD, chiếm 3,4%; Châu Mỹ 9 nước, đạt 87,2 triệu USD, chiếm 22,7%; Châu Đại Dương 06 nước, đạt 9,8 triệu USD, chiếm 2,6% và Châu phi 05 nước, đạt 6,6 triệu USD, chiếm 1,7%.

2. Cơ cấu lại đầu tư công

2.1. Tổng nguồn vốn đầu tư công

Trong giai đoạn 2021-2025, tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn do tỉnh quản lý là 40.881.645 triệu đồng, *trong đó*:

- Vốn ngân sách tỉnh là: 29.273.056 triệu đồng.
- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ là: 11.608.589 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 353.000 triệu đồng).
 - + Vốn ngân sách trung ương thực hiện 03 Chương trình MTQG là: 1.147.973 triệu đồng.

*** Kế hoạch vốn đã giao năm 2021:** 7.195.260 triệu đồng, *trong đó*:

- Vốn ngân sách địa phương: 4.883.684 triệu đồng.
- Vốn ngân sách trung ương: 2.311.576 triệu đồng.

*** Kế hoạch vốn đã giao năm 2022:** 11.446.856 triệu đồng, *trong đó*:

- Vốn ngân sách địa phương: 7.361.019 triệu đồng.
- Vốn ngân sách trung ương: 4.085.837 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn bổ sung từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 835.000 triệu đồng).
 - + Vốn ngân sách trung ương thực hiện 03 Chương trình MTQG là: 305.055 triệu đồng.

*** Kế hoạch vốn còn lại chưa giao (dự kiến giao trong năm 2023, 2024, 2025):** 22.239.530 triệu đồng, *trong đó*:

- Vốn ngân sách địa phương: 17.028.354 triệu đồng.
- Vốn ngân sách trung ương: 5.211.176 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 353.000 triệu đồng).
 - + Vốn ngân sách trung ương thực hiện 03 Chương trình MTQG là: 842.918 triệu đồng.

2.2. Một số đề án sử dụng nguồn từ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

- Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025: Đề án có tổng mức đầu tư là 708.534 triệu đồng, trong đó vốn sự nghiệp là 400.000 triệu đồng, kinh phí đầu tư xây dựng các công trình là 308.534 triệu đồng (trong đó ngân sách tỉnh 163.166 triệu đồng, ngân sách huyện 145.638 triệu đồng).

- Đề án nâng cao năng lực hoạt động hệ thống y tế cơ sở của tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025: Đề án có tổng mức đầu tư là 700.000 triệu đồng, trong đó vốn sự nghiệp mua sắm trang thiết bị y tế 100.000 triệu đồng, kinh phí đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp mở rộng cơ sở hạ tầng là 600.000 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương 166.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh 362.935 triệu đồng, ngân sách huyện 71.065 triệu đồng). Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bổ sung dự án Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm y tế tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Bình Định với tổng mức đầu tư 367.500 triệu đồng (vốn ngân sách trung ương 166.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh 201.500 triệu đồng).

- Đề án phát triển mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030: Đề án có tổng mức đầu tư là 22.567.297 triệu đồng (theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 23/3/2022 của HĐND tỉnh, tổng mức đầu tư của đề án là 21.274.515 triệu đồng); trong đó ngân sách tỉnh là 10.740.202 triệu đồng. Lũy kế vốn ngân sách tỉnh đã bố trí đến hết năm 2020 là 880.272 triệu đồng, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã bố trí 4.937.410 triệu đồng.

3. Về cơ cấu lại ngành kinh tế

3.1. Kết quả cơ cấu lại khu vực nông nghiệp và chuyển dịch đất đai trong sản xuất nông nghiệp

3.1.1. Diện tích đất nông nghiệp bị bỏ hoang

Trên địa bàn tỉnh Bình Định không có diện tích đất nông nghiệp bị bỏ hoang. Tất cả diện tích đất nông nghiệp đều được canh tác.

3.1.2. Kết quả thực hiện

a) Trồng trọt

- Đồi cây lúa: Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các cánh đồng mẫu lớn, nhất là cánh đồng mẫu lớn liên kết với các doanh nghiệp sản xuất lúa giống. Duy trì 08 dự án cánh đồng lớn, dự án liên kết sản xuất lúa giống với diện tích 1.688,3 ha. Ngoài ra, các doanh nghiệp, HTX nông nghiệp liên kết sản xuất giống lúa, nâng diện tích sản xuất lúa giống cả tỉnh 3.297 ha, sản lượng ước trên 20.000 tấn, đã hình thành vùng sản xuất lúa giống tập trung ở huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Phù Cát, thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn...

- Đồi với rau: Phối hợp với các địa phương duy trì và phát triển 08 vùng sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGap ở các huyện Tuy Phước, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Ân, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn; xây dựng nhãn hiệu “Lá lành”, quy mô diện tích 106,4 ha có 1.260 hộ dân tham gia; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển rau hữu cơ, VietGap³.

- Cây ăn quả: Đến nay, diện tích cây ăn quả chứng nhận VietGap là 77,5 ha; trong đó, xoài 40 ha, cây có múi 37,5 ha ở các huyện Phù Cát, Hoài Ân, Tây Sơn. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các dự án, mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ

³ Đến nay, diện tích trồng rau hữu cơ khoảng 2,0 ha tại thôn Thiết Trụ, xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn; diện tích được chứng nhận VietGap đối với rau, 6,0 ha tại huyện Phù Cát 5,0 ha và huyện Phù Mỹ 1,0 ha, nấm 2,4 ha tại huyện Tuy Phước, Vĩnh Thạnh.

cao và đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư một số dự án⁴.

- Cây trồng cạn: Đã phối hợp xây dựng mô hình trồng lạc đạt tiêu chuẩn VietGap và liên kết tiêu thụ, chế biến dầu lạc ở xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn, với diện tích được chứng nhận 5,0 ha; triển khai thực hiện mô hình thâm canh lạc gắn liên kết chuỗi có sử dụng hệ thống ống tưới nước tiết kiệm với diện tích 3,0 ha/điểm, thực hiện tại 04 điểm ở huyện Tây Sơn, Phù Cát, Vĩnh Thạnh; tiếp tục triển khai thực hiện mô hình chuyển đổi đất lúa sang trồng ngô sinh khối với diện tích 40,0 ha tại huyện Phù Mỹ. Ứng dụng máy móc, thiết bị cơ giới hóa vào sản xuất cây trồng cạn, sơ chế nông sản ngày càng được người dân quan tâm đầu tư theo hướng ngày càng hiện đại, giảm công và sức lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất⁵.

b) Chăn nuôi

- Đối với lợn: Tiếp tục ứng dụng công nghệ cao để đầu tư, nâng cấp xây dựng trang trại chăn nuôi, đưa tỷ lệ heo lai, heo ngoại đạt khoảng 93% tổng đàn lợn. Các doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các giống heo ngoại cung cấp ra thị trường⁶. Tháng 3/2022, “*Nhãn hiệu Lợn Hoài Ân*” đã được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận.

- Đối với bò: Tiếp tục phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ, giai đoạn 2021-2025 gắn với phát huy nhãn hiệu “*Bò thịt chất lượng cao Bình Định*”. Tổng số bò phối giống là 222.006 con; tổng số bê lai được sinh ra là 179.073 con.

- Đối với gà: Tiếp tục ứng dụng công nghệ 4.0 để đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi gà hiện đại, tiên tiến, tạo sản phẩm sạch, năng suất, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm. Trên địa bàn tỉnh có 02 doanh nghiệp sản xuất gà giống thương phẩm là Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống gia cầm Minh Dư và Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống gia cầm Cao Khanh đã cung cấp ra thị trường gà giống 01 ngày tuổi với các dòng gà đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới. Trong đó, Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống gia cầm Minh Dư đã hoàn thành và đưa vào hoạt động 02 trang trại sản xuất gà giống ứng dụng công nghệ cao tại huyện Vân Canh và thị xã An Nhơn với số lượng 880 ngàn gà giống bố mẹ.

c) Thủy sản

- Về khai thác thủy sản: Thực hiện mô hình tổ chức liên kết, liên doanh sản xuất, thương mại... theo chuỗi giá trị với sự tham gia quản lý, tổ chức của các hội, hiệp hội, hiện nay địa phương đang phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thực phẩm Mãi Tín xây dựng Dự án Chuỗi liên kết khai thác, chế biến tiêu thụ cá ngừ đại dương; tiếp

⁴ Dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trồng cây ăn quả như mít và bưởi tại xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn; Trang trại trồng trọt Mỹ Bình tại xã Hoài Phú, thị xã Hoài Nhơn; sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trồng cây ăn quả và các loại cây dược liệu tại xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn; Trang trại APL Vĩnh Thạnh trồng cây nông nghiệp, cây dược liệu tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh; Dự án sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh,...

⁵ Như: Máy gieo hạt ngô, lạc, máy thu hoạch, máy sấy nông sản. Đến nay, mức độ cơ giới hóa trong khâu làm đất là 93%; khâu gieo hạt tại huyện Phù Cát, thị xã An Nhơn đã sử dụng máy gieo hạt ngô, lạc ở một số cánh đồng; khâu chăm sóc 35%, bao gồm các loại máy móc phun thuốc bảo vệ thực vật, các máy kéo nhỏ, máy kéo đa năng để vun, xới và chăm sóc cho các loại cây trồng; khâu tưới là 92%; khâu thu hoạch chủ yếu ứng dụng các loại máy thu hoạch, bóc vỏ, tẻ hạt đối với ngô, lạc, đậu, đỗ,...

⁶ Công ty TNHH Nông nghiệp Trường Hải Bình Định đã đầu tư nâng công suất trại heo giống công nghệ cao THAGRICO Bình Định tại Phù Cát lên 13.500 heo giống cụ kỵ, ông bà, bố mẹ.

tục hỗ trợ kinh phí để thực hiện mô hình khuyến nông ứng dụng công nghệ Nano trong bảo quản thủy sản trên tàu cá. Áp dụng công nghệ số, công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, công nghệ viễn thám để quản lý, vận hành tàu cá trong khai thác, bảo quản thủy sản để nâng chất lượng thủy sản sau khai thác⁷....

Sản lượng khai thác hải sản năm 2021 đạt 258.136 tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2020; 10 tháng đầu năm 2022 đạt 231.678,9 tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ. Đến nay, toàn tỉnh đã thành lập được 723 tổ đội đoàn kết trên biển với 2.878 tàu cá⁸. Ngoài ra, đã thành lập được 01 nghiệp đoàn nghề cá tại thị xã Tam Quan Bắc với 141 tàu câu cá ngư đại dương tham gia.

- Về nuôi trồng thủy sản: Bước đầu phát triển nuôi biển với các đối tượng nuôi chủ yếu là tôm hùm, cá biển tại vùng biển Quy Nhơn và Phù Mỹ ở quy mô hộ gia đình theo phương pháp truyền thống⁹. Nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao: Công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Uc-Phù Mỹ đầu tư nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ với diện tích 116,34 ha, Công ty đang tiếp tục xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và bước đầu đưa vào sản xuất với năng suất 30 - 40 tấn/ha/vụ. Đã xây dựng thành công mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng BTC-TC ứng dụng công nghệ Semmi Biofloc tại các vùng nuôi tập trung trong tỉnh, đã thành lập được 06 Ban quản lý vùng nuôi với diện tích 170 ha và 01 hợp tác xã nuôi trồng thủy sản để tổ chức sản xuất nuôi tôm nước lợ. Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật nuôi Biofloc, semi Biofloc tại 4 vùng nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh hiện có cho các hộ nuôi.

d) Lâm nghiệp

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035. Đến nay, diện tích trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh là 6.667 ha. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng (FSC), đến nay, có 07 đơn vị¹⁰ đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030; đã có 6.964,27 ha được Tổ chức cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (GFA) cấp chứng chỉ¹¹. Các doanh nghiệp chế biến gỗ¹² đang phối hợp với chính quyền địa phương và các chủ rừng lập phương án quản lý rừng bền vững và hồ sơ cấp chứng chỉ rừng FSC với khối lượng khoảng 3.000 ha rừng trồng.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 03 đơn vị đang ứng dụng công nghệ sinh học để

⁷ Sử dụng thiết bị dò cá bằng sóng siêu âm, máy đo dòng chảy; sử dụng máy thu lưới, thu câu, thiết bị định vị vệ tinh; sử dụng công nghệ khai thác cá ngư đại dương bằng công nghệ Nhật Bản; sử dụng hệ thống định vị toàn cầu (GPS) giúp quản lý đội tàu khai thác hải sản xa bờ...

⁸ Thành phố Quy Nhơn: 41 tổ/173 tàu; huyện Phù Cát: 80 tổ/344 tàu; huyện Phù Mỹ: 52 tổ/229 tàu; thị xã Hoài Nhơn: 550 tổ/2.132 tàu.

⁹ Cụ thể: Nuôi cá biển 1.526 lồng/35.900m³ (trong đó nuôi cá lồng tại Quy Nhơn 1.386 lồng/ 27.500m³; cá lồng tại Phù Mỹ 140 lồng/8.400m³). Sản lượng đến nay ước đạt khoảng 85 tấn; nuôi tôm hùm thương phẩm 1.300 lồng/14.000 m³ thu hoạch đến nay 1,0 tấn.

¹⁰ Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Quy Nhơn, Sông Kôn, Hà Thanh; Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Hoài Ân; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Phù Cát; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Phù Mỹ.

¹¹ Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Quy Nhơn 4.183,67ha; Công ty trách nhiệm hữu hạn Lâm nghiệp Hà Thanh 2.780,6ha.

¹² Công ty Cổ phần năng lượng sinh học Phú Tài và Công ty TNHH Lâm nghiệp Thiện Hoàng.

sản xuất cây nuôi cấy mô về giống lâm nghiệp, công suất sản xuất 32 triệu cây giống/năm.

e) Phát triển nông thôn

Hỗ trợ thành lập mới 13 hợp tác xã nông nghiệp chuyên ngành theo sản phẩm, ngành hàng có lợi thế, có vùng nguyên liệu trên cơ sở tự nguyện, có nhu cầu của địa phương. Đã xây dựng 04 hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản¹³.

g) Diêm nghiệp

Diện tích sản xuất muối toàn tỉnh hiện nay là 134,10 ha (65,10 ha sản xuất truyền thống; 58 ha sản xuất trái bạt ô kết tinh; 11 ha sản xuất công nghiệp). Tổng sản lượng muối ráo thu được đạt 18.325 tấn. Sản lượng muối bán ra: 17.585 tấn. Sản lượng muối tồn kho trong dân: 740 tấn.

3.2 Kết quả cơ cấu lại khu vực công nghiệp và dịch vụ

3.2.1. Công nghiệp

- Tốc độ tăng trưởng: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2021-2022 đạt 9,52%; Giá trị gia tăng công nghiệp đạt 9,2%.

- Cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh: Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt, động lực chính của tăng trưởng toàn ngành. Hoạt động phân phối điện bảo đảm cung cấp ổn định cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, sản lượng thủy điện và điện mặt trời tăng cao so cùng kỳ đã tác động tích cực lên tăng trưởng của ngành sản xuất điện. Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng giá trị sản xuất chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng giá trị sản xuất ngành khai khoáng, cụ thể:

+ Năm 2021, quy mô ngành công nghiệp đạt 19.919 tỷ đồng (theo giá hiện hành), chiếm 20,9% trong GRDP của tỉnh. Giá trị SXCN năm 2021 (theo giá so sánh 2010) đạt 51.886,5 tỷ đồng, tăng 7,65% so năm 2020¹⁴.

+ Năm 2022, quy mô ngành công nghiệp ước đạt 20.845 tỷ đồng (theo giá hiện hành), chiếm 20,25% trong GRDP của tỉnh. Giá trị SXCN năm 2022 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 56.500 tỷ đồng, tăng 9,2% so năm 2021.

3.2.2. Thương mại, dịch vụ

- Tốc độ tăng trưởng: tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ xã hội giai đoạn 2021-2022 tăng 8% (trong đó: năm 2021 đạt 79.684 tỷ đồng tăng 4,5% so với năm 2020;

¹³ Năm 2021: HTXNN Ân Tín, huyện Hoài Ân ứng dụng quy trình canh tác hữu cơ trên cây lúa, diện tích 2,75 ha x 2 vụ/năm, sản lượng bình quân 11 tấn gạo hữu cơ/năm. Sản phẩm “Gạo sản xuất theo hướng hữu cơ” của hợp tác xã đã được đánh giá, phân hạng 3 sao OCOP cấp tỉnh; HTXNN hữu cơ Agribio, huyện Phù Mỹ: Công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động trong sản xuất nấm và phôi nấm (nấm bào ngư Nhật, nấm chân dài, nấm hoàng đế, nấm linh chi); sản lượng bình quân 25.000 bịch phôi nấm/tháng, nấm thành phẩm 1,5 tấn/loại/tháng, trong đó sản phẩm “Nấm Hoàng đế” của HTX đã được đánh giá, phân hạng 3 sao OCOP cấp tỉnh. Năm 2022: HTX nông công thương An Nhơn, thị xã An Nhơn áp dụng công nghệ sản xuất cây trồng hữu cơ trên cây sả Java; HTXNN Hoài Sơn, thị xã An Nhơn áp dụng công nghệ sản xuất cây trồng an toàn theo VietGap trên cây chuối mốc.

¹⁴ Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 49.356,9 tỷ đồng, tăng 6,79%; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện ước đạt 1.704,3 tỷ đồng, tăng 49,28%; Công nghiệp cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải ước đạt 309,6 tỷ đồng, tăng 0,54%; Công nghiệp khai khoáng ước đạt 515,7 tỷ đồng, giảm 3,23% so với năm 2020.

năm 2022 ước đạt 88.800 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2021).

- Cơ cấu tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ xã hội bình quân giai đoạn 2021-2022: tổng mức bán lẻ chiếm 85,4%, doanh thu khách sạn nhà hàng chiếm 10,3%, doanh thu du lịch lữ hành chiếm 0,1%, doanh thu dịch vụ chiếm 4,2%.

- **Năng suất lao động ngành công nghiệp:** Năm 2021, năng suất lao động công nghiệp đạt 0,18 tỷ/lao động, tăng 0,1 tỷ đồng so với năm 2020. Năm 2022, năng suất lao động công nghiệp ước đạt 0,19 tỷ/lao động, tăng 0,01 tỷ đồng so với năm 2021.

- **Các dự án đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn:** Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 34 dự án SXCN trọng điểm đang triển khai đầu tư xây dựng với tổng vốn đăng ký 76.816,1 tỷ đồng và đã thực hiện khoảng 5.582,2 tỷ đồng, tổng diện tích 1.301,9 ha; đầu tư các lĩnh vực đa ngành nghề như sản xuất điện, chế biến thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, viên nén gỗ, dược phẩm, may trang phục, cơ khí... trong 9 tháng năm 2022 đã có 05 dự án¹⁵ đi vào hoạt động; dự kiến cuối năm 2022 có thêm 05 dự án¹⁶ đi vào hoạt động.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2023-2025

Để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đến năm 2025 trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu của vùng, tỉnh Bình Định tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Ngành nông nghiệp

1.1.1. Cơ cấu lại sản xuất theo nhóm sản phẩm

- *Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh*

+ Về trồng trọt:

(i) Lúa: Nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, diện tích đất trồng lúa đến năm 2025 là 52.802 ha, trong đó đất chuyên trồng lúa nước 45.846 ha; diện tích gieo trồng 90.000 ha, sản lượng đạt 648 nghìn tấn. Diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao 10.000 ha, chiếm 10,8% tổng diện tích gieo trồng; tỷ lệ sử dụng giống lúa từ cấp xác nhận trở lên trên 99%. Đẩy mạnh phát triển sản xuất gạo hữu cơ và đa dạng các sản phẩm chế biến từ gạo để tăng giá trị gia tăng. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp đầu tư các dự án sản xuất lúa thương phẩm theo hướng VietGap, hữu cơ gắn với liên kết sản xuất và chế biến gạo.

(ii) Rau dưa các loại: Diện tích trồng rau dưa các loại 18.000 ha, sản lượng 333 nghìn tấn. Phát triển vùng sản xuất rau an toàn ở các huyện: Tuy Phước, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Phù Mỹ, Phù Cát, An Lão, thị xã: An Nhơn, Hoài Nhơn. Hỗ trợ đẩy mạnh xây dựng nhãn hiệu, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, hướng đến xuất khẩu; duy trì và mở rộng vùng sản xuất rau đạt tiêu chuẩn

¹⁵ Nhà máy chế biến hải sản đông lạnh An Hải; Mở rộng Nhà máy phân bón Nhật - Nam; Nhà máy sản xuất, cất hạt nha đam; Nhà máy may mặc B&D Lingerie Việt Nam; Nhà máy chế biến đá thạch anh.

¹⁶ Thủy điện Đồng Mít; Nhà máy sản xuất Thuốc, Mỹ phẩm và Thực phẩm chức năng BITECHPHAR; Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Hải Long Bình Định; Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Bigrfeed Bình Định; Nhà máy chế biến nông sản.

VietGap khoảng 100 ha trên cơ sở tăng cường chuyển giao ứng dụng tiến bộ KHCN, công nghệ cao, áp dụng quy trình sản xuất tốt, hữu cơ để nâng cao chất lượng và giá trị nông sản.

(iii) Lạc: Tăng diện tích trồng lạc lên 15.000 ha, sản lượng 56 nghìn tấn trên cơ sở chuyển đổi đất sản xuất lúa, mía, sắn sang sản xuất lạc; ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ. Xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ và chế biến lạc gắn với xây dựng các cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn, nâng cao hiệu quả các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển sản phẩm OCOP ở các huyện: Phù Cát, Phù Mỹ, Tây Sơn. Tạo vùng lạc hàng hóa đủ điều kiện để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến các sản phẩm từ lạc.

(iv) Sắn: Ổn định diện tích trồng sắn 10.000 ha, sản lượng 340 nghìn tấn. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình canh tác bền vững; áp dụng cơ giới hóa, tăng hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái.

(v) Ngô: Ổn định diện tích trồng ngô 9.200 ha, sản lượng 61 nghìn tấn; tập trung đầu tư thâm canh, tăng vụ cung cấp nguyên liệu cho các Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi; phát triển mô hình trồng ngô sinh khối, ngô ngọt theo hướng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

(vi) Dừa: Tăng diện tích trồng dừa lên 10.000 ha, tập trung đầu tư thâm canh, cải tạo vườn dừa, ưu tiên phát triển dừa lấy nước gắn với tổ chức sản xuất, liên kết sản xuất, phát triển du lịch; tăng cường áp dụng các giải pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất; đầu tư xây dựng các mô hình trồng dừa ứng dụng công nghệ cao, theo tiêu chuẩn VietGAP; đẩy mạnh chế biến các sản phẩm từ dừa như: dầu dừa tinh khiết, bánh tráng nước dừa,...

+ Về chăn nuôi:

(i) Chăn nuôi bò thịt: Đàn bò đạt 330.000 con; trong đó, bò thịt chất lượng cao đạt 99.000 con, chiếm 30% tổng đàn, tỷ lệ bò lai đạt 93%. Phát triển các HTX chăn nuôi bò gắn với liên kết tổ chức sản xuất, tiêu thụ. Tiếp tục triển khai chính sách phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ, giai đoạn 2021 - 2025 gắn với phát huy nhãn hiệu “Bò thịt chất lượng cao Bình Định” nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động chuỗi liên kết sản xuất bò thịt chất lượng cao. Xúc tiến hình thành từ 01 đến 02 trang trại chăn nuôi bò thịt quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

(ii) Chăn nuôi lợn: Đàn lợn đạt 1,1 triệu con, sản lượng thịt lợn 160.000 tấn. Phát triển chăn nuôi lợn với các giống cao sản theo hướng trang trại công nghiệp; tăng đàn lợn chăn nuôi theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học; đàn lợn được nuôi trang trại, công nghiệp chiếm trên 50%, trong đó chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao chiếm 22%. Phát triển hệ thống quản lý chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, hệ thống giết mổ công nghiệp hiện đại, bảo đảm an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm gắn với chăn nuôi trang trại quy mô vừa và lớn. Hình thành và nhân rộng các chuỗi liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm lợn hơi; tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của chuỗi liên kết cung ứng thịt lợn cho thị trường Đà Nẵng. Xây dựng vùng chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh tại huyện Hoài Ân.

(iii) Chăn nuôi gà: Đàn gà đạt 10 triệu con; trong đó, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao chiếm 35%. Tập trung phát triển các giống gà hiện có, trong đó ưu tiên phát triển giống Gà Minh Dư mang tầm quốc tế, hướng tới xuất khẩu. Đẩy mạnh chăn nuôi

theo hướng trang trại công nghiệp, đảm bảo an toàn sinh học, gắn với xây dựng vùng an toàn dịch bệnh để tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm thịt, trứng có chất lượng cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm. Hình thành và nhân rộng các chuỗi liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thịt, trứng gia cầm, hướng tới xuất khẩu.

+ Về thủy sản:

(i) Cá ngừ đại dương: Tổng số tàu thuyền khai thác cá ngừ đại dương đến năm 2025 đạt khoảng 1.500 tàu (chiếm khoảng 50% tàu khai thác vùng khơi), sản lượng cá ngừ đại dương đạt khoảng 12.000 tấn.

(ii) Tôm thẻ chân trắng: Phát triển nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường; xây dựng vùng nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, ứng dụng công nghệ cao Biofloc, RAS,...; tổ chức sản xuất theo hướng liên kết, xây dựng chuỗi giá trị ngành hàng tôm thẻ chân trắng. Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ đến năm 2025 đạt khoảng 2.250 ha, sản lượng đạt 22.000 tấn, trong đó diện tích nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao khoảng 680 ha, sản lượng đạt khoảng 13.000 tấn/năm, chiếm tỷ lệ khoảng 30% về diện tích nuôi và 59% về sản lượng tôm nuôi.

+ Về lâm nghiệp:

(i) Gỗ và các sản phẩm từ gỗ: Tiếp tục triển khai trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ rừng theo Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2035. Phân đấu đến năm 2025, diện tích trồng rừng gỗ lớn đạt 10.000 ha. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng (FSC) cho 10.000 ha rừng trồng sản xuất.

(ii) Giống cây lâm nghiệp: Nâng cao năng lực sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho các đơn vị sản xuất giống cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm cung cấp cho sản xuất đủ giống có chất lượng, chống chịu cao với sâu và bệnh hại, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Nhóm sản phẩm đặc sản địa phương*

Tập trung triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất, từng bước tiếp cận thị trường bền vững theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế nhằm phát huy bản sắc, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo của người dân, thúc đẩy tổ chức và đảm bảo giá trị của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới. Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa. Phát triển HTX gắn với các sản phẩm OCOP của địa phương.

1.1.2. Cơ cấu lại sản xuất theo từng lĩnh vực

- *Lĩnh vực trồng trọt*

Cơ cấu lại sản xuất trồng trọt theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực, cây công nghiệp lâu năm; tăng tỷ trọng cây công nghiệp ngắn ngày, cây rau, cây ăn quả đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường, góp phần bảo đảm an ninh lương. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng sản xuất trồng trọt đạt bình quân từ 1,8%/năm; đến

năm 2025, giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha đất trồng trọt đạt khoảng 130 triệu đồng.

- Lĩnh vực chăn nuôi

Tiếp tục duy trì tốc độ phát triển chăn nuôi từ 5-6%/năm, phấn đấu sản lượng thịt hơi xuất chuồng đến năm 2025 đạt 260.000 tấn. Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm (trọng tâm là tăng gà lông màu); không tăng nhiều đàn lợn, bò; chủ yếu tập trung nâng cao năng suất, chất lượng để tăng giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi hiện đại ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi sạch, chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi thân thiện với môi trường, gắn với phát triển công nghiệp chế biến; kết nối bền vững với chuỗi giá trị chăn nuôi trong vùng, toàn quốc, phấn đấu tỷ lệ giá trị sản xuất chăn nuôi theo hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30%. Xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, cơ sở chăn nuôi đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; đến năm 2025 có 25 trang trại chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, 100 trang trại chăn nuôi an toàn dịch bệnh, VietGAP, xây dựng từ 01-02 cơ sở giết mổ động vật tập trung quy mô cơ giới hiện đại.

- Lĩnh vực thủy sản

Phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế, bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các vùng biển, hải đảo. Tăng cường khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở trữ lượng nguồn lợi thủy sản; xây dựng cơ cấu tàu thuyền, nghề nghiệp, xác định và phân bổ hạn ngạch khai thác thủy sản vùng vùng lộng, ven bờ và khai thác nội địa phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cho phép khai thác của nguồn lợi thủy sản. Phát triển nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; đảm bảo hiệu quả, bền vững; đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi, đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Lĩnh vực lâm nghiệp

Bảo vệ và xây dựng ổn định diện tích rừng tự nhiên hiện có, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Phát huy chức năng phòng hộ đầu nguồn, nâng độ che phủ rừng đến năm 2025 đạt trên 58%, góp phần cải thiện môi trường, cân bằng sinh thái, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, tạo nguồn sinh thủy và bảo tồn tính đa dạng sinh học. Cụ thể như sau:

+ Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các khu rừng đặc dụng, phòng hộ: Bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng hiện có 311.275,01 ha. Tiếp tục thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2023-2025 của các chương trình, dự án là 608.236,0 lượt ha (bình quân 121.647,2 ha/năm).

+ Về phát triển rừng: Kế hoạch trồng rừng tập trung giai đoạn 2023-2025 diện tích 24.000 ha (bình quân 8.000 ha/năm). Tiếp tục triển khai trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ rừng theo Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2035; theo đó đến năm 2025, diện tích rừng trồng sản xuất gỗ lớn 10.000 ha. Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng.

+ Về quản lý rừng bền vững: Triển khai thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững đối với các Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2021-2025 có 10.000 ha diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

- Lĩnh vực diêm nghiệp

Trong giai đoạn 2023 - 2025, đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất muối để nâng cao năng suất, chất lượng muối và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường mối liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ trong và ngoài tỉnh (đặc biệt là các cơ sở chế biến trong tỉnh). Phát triển các sản phẩm OCOP đối với sản phẩm từ muối. Nâng cao chất lượng muối tinh, muối tinh trộn I-ốt và đa dạng hoá các sản phẩm từ muối, đáp ứng yêu cầu sức khoẻ và thị hiếu của người tiêu dùng (chú trọng sản xuất, chế biến muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên với hàm lượng NaCl thấp, có lợi cho sức khoẻ).

Đến năm 2025, diện tích sản xuất muối của tỉnh (tại 02 huyện Phù Mỹ và Phù Cát) là 140 ha; trong đó: Sản xuất muối công nghiệp là 11 ha, sản xuất muối trải bạt ô kết tinh là 70 ha, sản xuất theo truyền thống là 59 ha; sản lượng muối toàn tỉnh đạt 25.000 tấn (Phù Mỹ 13.000 tấn; Phù Cát 12.000 tấn); năng suất muối bình quân đến năm 2025 đạt 178,5 tấn/ha.

1.1.3. Cơ cấu lại sản xuất theo vùng

- Vùng đồng bằng

+ Về trồng trọt: Phát triển lúa thương phẩm, lúa giống; phát triển vùng sản xuất cây lạc, ngô; phát triển vùng sản xuất rau dưa các loại; đầu tư thâm canh nâng cao chất lượng dưa chế biến và dưa lấy nước.

+ Về chăn nuôi: Tập trung phát triển các dự án chăn nuôi công nghệ cao, hiện đại, tiên tiến. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào các trang trại chăn nuôi hiện có; giảm dần quy mô chăn nuôi nông hộ, đảm bảo khoảng cách theo quy định cho từng quy mô chăn nuôi; phát triển nghề nuôi chim yến có sự kiểm soát; xây dựng Vùng chăn nuôi công nghệ cao của tỉnh tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn.

+ Về thủy sản: Phát triển nuôi thủy sản nước lợ ở các khu vực cửa sông, ven biển, nuôi tôm trên cát, vùng trọng điểm sản xuất tôm giống. Tổ chức hợp lý khai thác vùng lòng, vùng khơi, nhất là nghề câu cá ngừ đại dương và nghề vây. Xây dựng trung tâm nghề cá của tỉnh tại vùng biển Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn. Phát triển mô hình nuôi biển cộng đồng, mô hình nuôi biển ứng dụng công nghệ cao với các đối tượng có tiềm năng kinh tế, như: nhuyễn thể (hàu, ốc hương), tôm hùm; cá biển (cá bóp, cá chẽm, cá mú...) tại vùng biển Quy Nhơn và Phù Mỹ. Phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ thành vùng nông nghiệp công nghệ cao của khu vực miền Trung.

+ Về lâm nghiệp: Xây dựng vùng trồng rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến gỗ của tỉnh tại các địa phương; bảo vệ và phát triển hệ thống rừng phòng hộ ven biển.

+ Về kinh tế nông thôn: Phát triển các loại hình du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái vùng ven đầm, ven biển, các hồ chứa thủy lợi; du lịch làng nghề truyền thống gắn với các sản phẩm OCOP, du lịch văn hóa, lịch sử.

- Vùng trung du

+ Về trồng trọt: Ưu tiên phát triển ngô, sắn, lạc, lúa, điều, cây thức ăn chăn nuôi, cây ăn quả...

+ Về chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi quy mô trang trại, ưu tiên trang trại chăn nuôi quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao với các loại vật nuôi, như: bò thịt chất lượng cao, lợn và gà cao sản; phát triển chăn nuôi gà thả đồi; phát triển nghề nuôi chim yến có sự kiểm soát; xây dựng vùng chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh.

+ Về thủy sản: Phát triển diện tích nuôi cá nước ngọt tại các hồ chứa thủy lợi phù hợp với điều kiện hiện có và khả năng mở rộng thị trường.

+ Về lâm nghiệp: Phát triển trồng rừng nguyên liệu có chứng chỉ quản lý rừng bền vững; xây dựng vùng trồng rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến gỗ của tỉnh.

+ Về kinh tế nông thôn: Phát triển các loại hình du lịch sinh thái gắn với các sản phẩm OCOP của địa phương; du lịch sinh thái gắn với cảnh quan thiên nhiên, du lịch văn hóa, lịch sử.

- *Vùng miền núi*

+ Về trồng trọt: Ổn định diện tích trồng lúa nước nhằm đảm bảo nhu cầu lương thực tại chỗ; phát triển cây dược liệu, rau đậu, cây ăn quả, ngô, sắn...

+ Về chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi quy mô trang trại, ưu tiên trang trại chăn nuôi quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao với các loại vật nuôi, như: bò thịt chất lượng cao; lợn đen địa phương, gà thả đồi; phát triển nghề nuôi chim yến có sự kiểm soát.

+ Về thủy sản: Phát triển diện tích nuôi cá nước ngọt, cá nước lạnh (cá rô phi, cá tầm,...) tại các hồ chứa thủy lợi, thủy điện phù hợp với điều kiện hiện có và khả năng mở rộng thị trường.

+ Về lâm nghiệp: Bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để duy trì nguồn nước, bảo vệ đất, đặc biệt ở những khu vực có nguy cơ xói mòn cao, đảm bảo duy trì đa dạng sinh học; phát triển rừng trồng sản xuất.

+ Về kinh tế nông thôn: Phát triển các loại hình du lịch sinh thái gắn với cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn.

- *Vùng đô thị*

+ Về trồng trọt: Phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

+ Về chăn nuôi: Di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực nội thành, nội thị, khu dân cư tập trung xây dựng nhà ở liền kề - khu vực không được phép chăn nuôi.

1.2. Ngành công nghiệp

Công tác quản lý công nghiệp được đẩy mạnh, ưu tiên phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường. Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để ổn định, duy trì sản xuất, kinh doanh của các cơ sở sản xuất công nghiệp hiện có. Ưu tiên phát triển công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh như: công nghiệp chế biến, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, năng lượng, thức ăn chăn nuôi, chế biến thủy hải sản, may mặc, sản xuất vật liệu xây dựng, dược phẩm, hàng tiêu dùng và công nghiệp phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn... Khuyến khích phát triển công nghiệp vừa và nhỏ để tận dụng nguồn nguyên liệu và nhân công tại chỗ; đổi mới công nghệ sản xuất, áp dụng công nghệ tiên tiến đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

Chủ động theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, khảo sát, nắm bắt

những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, tích cực hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với doanh nghiệp. Tham gia ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp đăng ký đầu tư các dự án: gạch, ngói nung công nghệ Hoffman và gạch không nung; sản xuất dăm gỗ; sản xuất hàng may mặc; sản xuất gỗ nội, ngoại thất; chế biến gỗ, ván veener; sản xuất hạt nhựa; sản xuất thức ăn chăn nuôi và chuyển đổi sang sản xuất phân bón; sản xuất ván lạng, ván ép và chất đốt xanh và ý kiến khảo sát, nghiên cứu và lập báo cáo bổ sung quy hoạch Nhà máy điện mặt trời

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Với ngành nông nghiệp

- Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp của Trung ương và của tỉnh đã được ban hành; đồng thời rà soát, bổ sung một số quy định, cơ chế, chính sách, như: cơ chế tạo điều kiện để sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp nhằm tổ chức sản xuất theo nhu cầu thị trường; ban hành chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ trên địa bàn tỉnh; chính sách hỗ trợ chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật; hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao. Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh; chính sách khuyến khích nuôi gà thả đồi; chính sách hỗ trợ xây dựng chợ đầu mối để tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh,...

- Đẩy mạnh công tác ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, nhất là ứng dụng công nghệ sinh học trong khâu sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản và kỹ thuật canh tác, kỹ thuật nuôi trồng, xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. Đồng thời, tăng cường công tác chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất để tăng nhanh năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất, năng lực và vai trò của các tổ chức hợp tác của nông dân trong việc tổ chức sản xuất theo chuỗi từ cung cấp dịch vụ đầu vào, bảo quản, chế biến nông sản và tiếp cận thị trường. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; trong đó, tăng cường khuyến khích, kêu gọi các doanh nghiệp nông nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, xác định doanh nghiệp giữ vai trò là “trụ cột”, nòng cốt, dẫn dắt, đưa khoa học công nghệ, trình độ quản trị vào chuỗi giá trị.

- Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và hạ tầng thương mại ở nông thôn ngày càng hiện đại, đảm bảo tăng cường liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất nông nghiệp bền vững, hiện đại với quy mô sản xuất hàng hóa lớn, hội nhập quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Tiếp tục hoàn thiện thủy lợi nội đồng, phát triển thủy lợi nhỏ trên địa bàn tỉnh; trong đó, ưu tiên hoàn thiện hệ thống thủy lợi đảm bảo chủ động cấp nước cho diện tích chuyên trồng lúa, diện tích các cây trồng cận chủ lực của tỉnh, vùng nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Có chính sách hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai đồng bộ, đảm bảo đủ khả năng chống chịu trước thiên tai và giảm thiểu thiệt hại về người và sản xuất; trong đó, ưu tiên sửa chữa nâng cấp 40 hồ chứa xung yếu; nghiên cứu đề xuất nâng cấp hồ Định Bình tăng

dung tích chứa nước, chủ động điều tiết giảm ngập lụt cho vùng An Nhơn, Tuy Phước, đồng thời chuyển nước từ hồ Định Bình đến các vùng hạn, chuyển nước hồ Đồng Mít từ Lại Giang vào Bắc Phù Mỹ.

+ Tập trung đầu tư phát triển cảng cá kết hợp với khu neo đậu tàu thuyền nghề cá để tăng hiệu quả đầu tư, trong đó, đầu tư nâng cấp cảng cá Tam Quan, Đề Gi kết hợp với đầu tư đồng bộ khu neo đậu tàu thuyền nghề cá để tăng hiệu quả đầu tư, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Có chính sách hỗ trợ đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ sau thu hoạch để nâng cao hiệu quả sản xuất; áp dụng cơ giới hóa đồng bộ ở tất cả các khâu sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, phù hợp với điều kiện từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi. Phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp. Phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, theo nhu cầu và khả năng tiêu thụ của thị trường. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao thân thiện với môi trường và hệ thống quản lý chất lượng hiện đại trong bảo quản, chế biến nông sản. Đa dạng hóa sản phẩm chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao; tăng chế biến từ các phụ phẩm của sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị gia tăng; đảm bảo kiểm soát được chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường tiêu thụ, bảo vệ môi trường.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Phát triển các vùng trồng trọt và chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, nhất là ở các vùng sản xuất hàng hóa trọng điểm, vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến. Tăng cường hệ thống kiểm soát dịch hại, dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi.

- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp; ưu tiên đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ khả năng tiếp cận, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ hiện đại để tạo bước đột phá trong nông nghiệp, kịp thời giải quyết các vấn đề, thách thức của ngành do biến đổi khí hậu và dịch bệnh gây ra. Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngành nông nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy nhanh hoàn thành xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực cấp tỉnh và đặc sản địa phương gắn với chỉ dẫn địa lý, chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường, phát triển mạnh thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường nông thôn, nhất là ở các làng nghề; các khu xử lý rác thải tập trung đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải, chất thải rắn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp tiết kiệm nước và vật tư nông nghiệp, giảm phát khí thải nhà kính.

2.2. Với ngành công nghiệp chế biến chế tạo

Tỉnh có thể dịch chuyển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo sang lĩnh vực sản xuất có giá trị gia tăng cao như (1) chế biến thủy hải sản, (2) linh kiện điện tử cho xe cộ, (3) dược phẩm (sản xuất insulin tương tự sinh học). Với việc chuyển đổi nêu trên, tỉnh có thể thu hút nhiều lao động có kỹ năng cao và các khoản đầu tư lớn, đặc biệt là FDI để thúc đẩy lĩnh vực mới. Chuyển dịch sang ngành công nghiệp gia tăng giá trị cao cũng sẽ tạo điều kiện cho ngành công nghiệp chế biến chế tạo phát triển với một phương pháp số hóa hơn nữa.

2.3. Với ngành du lịch

(1) Tiếp tục phát huy tối đa và bền vững các bãi biển tại Bình Định bằng việc nâng cấp bãi biển công cộng hiện có ở Quy Nhơn với nhiều hoạt động thường xuyên như: (i) Biểu diễn đường phố (âm nhạc, xiếc); (ii) Các sự kiện thể thao (giải chạy, thi đấu bóng chuyền bãi biển); (iii) Các sự kiện âm thực (thi nấu ăn, lễ hội âm thực truyền thống). (2) Phát triển “tiểu thị trấn ven biển”: các tổ hợp dân cư - dịch vụ ven biển từ bán đảo Phương Mai đến bãi biển Phù Cát, thông qua các chính sách và cơ chế ưu đãi thuận lợi. (3) Phát huy khu vực rừng chưa được khai thác ở Vĩnh Thạnh và An Lão thông qua việc thành lập trung tâm thể thao mạo hiểm, với các hoạt động như chạy bộ trong rừng, leo núi, đi bộ dã ngoại. (4) Đầu tư xây dựng tại vùng cao phía Tây Bắc tỉnh các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe cao cấp, nơi khách du lịch có thể tận hưởng trọn vẹn sự yên bình tại xã An Toàn, huyện An Lão. (5) Phát triển tuyến đường du lịch kết nối thành phố Quy Nhơn và huyện Tây Sơn để mở rộng không gian du lịch trên địa bàn. (6) Phát triển chương trình biểu diễn quy mô lớn trong không gian mở, như là điểm đến cuối cùng của hành trình khám phá: chương trình biểu diễn này có thể được tổ chức là sự kiện offline đặc sắc ở thành phố Quy Nhơn, nhưng điểm thu hút cốt lõi vẫn cần ở huyện Tây Sơn.

2.4. Với các ngành dịch vụ khác

Bình Định có thể (1) tăng cường hợp tác với trường đại học FPT trong việc phát triển giáo dục về Trí tuệ nhân tạo (AI) & khoa học, công nghệ, kỹ thuật & toán học (STEM). (2) Phát triển dịch vụ và sản phẩm AI (ví dụ như robot trò chuyện, phân tích hình ảnh/video và dự báo, thu thuế thông qua kiểm toán có mục tiêu và phòng chống gian lận) bằng cách xem xét quy hoạch, hình thành trung tâm nghiên cứu & phát triển (R&D). (3) Cấp vốn hạt giống cho các cơ chế quản lý thử nghiệm Đổi mới sáng tạo AI, từ đó thu hút các quỹ ươm tạo AI của Việt Nam thông qua các cơ chế ưu đãi. (4) Phát triển các khu dân cư xung quanh hạt nhân kinh tế khi lấy AI là trọng tâm: bắt đầu thử nghiệm từ (i) giao thông vận tải dựa trên AI (ví dụ: xe buýt tự động), (ii) năng lượng xanh bền vững.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Về thể chế sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp: kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, sớm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025, trong đó có đề xuất phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định và Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định như phương án đã được UBND tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 5419/UBND-TH ngày 31/8/2021 để làm cơ sở triển khai thực hiện.

2. Tiếp tục có cơ chế chính sách đặc thù để thu hút các tổ chức, doanh nghiệp,

chuyên gia giỏi tham gia vào việc nghiên cứu, đầu tư, hỗ trợ trong việc thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

3. Xây dựng và phát triển các loại hình cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với ngành thủy sản. Tiếp tục phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành thủy sản (*hệ thống hạ tầng cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão, cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản*).

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2022, UBND tỉnh kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐ, CVVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh